

Số 03 -BB/VPĐU

BIÊN BẢN

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2026
của Đảng ủy xã Tân Hội**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 1539/2017/TT-BTC, ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chi tiết về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với các cơ quan của Đảng Công sản Việt Nam;

Căn cứ Quy định số 3869-QĐ/VPTW, ngày 21 tháng 06 năm 2019 của Văn phòng Trung ương Đảng về công khai dự toán và quyết toán ngân sách nhà nước và tình hình quản lý, sử dụng vốn, tài sản, các quỹ tại các cơ quan, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam ;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 11/8/2025 của Hội đồng nhân dân xã Tân Hội về phân bổ ngân sách địa phương năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1516 /QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân xã Tân Hội về giao dự toán ngân sách nhà nước cho Văn phòng Đảng ủy xã Tân Hội năm 2026;

Văn phòng Đảng ủy xã Tân Hội làm biên bản công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (có biểu kèm theo)

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND xã;
- Ủy Ban nhân dân xã;
- Văn phòng Đảng ủy xã
- Cơ quan giúp việc của Đảng ủy xã;
- Lưu: VT,

CHÁNH VĂN PHÒNG

Nguyễn Tấn Đạt

**ĐẢNG ỦY XÃ TÂN HỘI
VĂN PHÒNG**

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Tân Hội, ngày 01 tháng 01 năm 2026

Số 08-QĐ/VPĐU

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2026
của Đảng ủy xã Tân Hội**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 31/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã Tân Hội về phân bổ ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1516 /QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân xã Tân Hội về việc giao dự toán thu-chi ngân sách năm 2026 cho Văn phòng Đảng ủy xã Tân Hội;

Xét đề nghị của Bộ phận Hành chính quản trị;

CHÁNH VĂN PHÒNG ĐẢNG ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 của Đảng ủy xã Tân Hội (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Đảng ủy xã Tân Hội, bộ phận hành chính quản trị chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- Văn phòng Đảng ủy xã;
- Cơ quan giúp việc của Đảng ủy xã;
- Lưu: VT,

CHÁNH VĂN PHÒNG

Nguyễn Tấn Đạt

VĂN PHÒNG ĐẢNG ỦY XÃ TÂN HỘI
Chương: 819



DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 1516-QĐ/VPĐU, ngày 31 tháng 12 năm 2025)

(Biểu số 2 ban hành kèm theo
Quyết định số 3869-QĐ/VPĐU,
ngày 21/6/2019 của Văn phòng Trung ương Đảng)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN ĐƯỢC GIAO
I	Tổng số thu tại đơn vị	6.309.642.036
1	Thu đang phi được cân đối chi hoạt động	
2	Thu từ hoạt động sự nghiệp	
3	Thu khác	
4	Kinh phí ngân sách nhà nước cấp theo dự toán	6.309.642.036
4.1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ - nguồn 12 (QLNN) - Chi nhiệm vụ phát sinh trong năm (Loại 340 - Khoản 351)	877.830.000
4.2	Kinh phí hoạt động thường xuyên (Loại 340- Khoản 351)	1.052.700.000
4.3	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4.169.270.196
4.4	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ - nguồn 18 (Kinh phí tiền thưởng - Loại 340 - Khoản 351)	209.841.840
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	6.309.642.036
1	Chi quản lý hành chính	6.309.642.036
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4.169.270.196
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ - nguồn 12 (QLNN)	877.830.000
1.2.1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ - Chi nhiệm vụ phát sinh trong năm (Loại 340 - Khoản 351)	877.830.000
1.2.2	Kinh phí hoạt động thường xuyên (Loại 340- Khoản 351)	1.052.700.000
1.2.3	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ - nguồn 18 (Kinh phí tiền thưởng - Loại 340 - Khoản 351)	209.841.840
2	Nhiệm vụ khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Chi Chương trình mục tiêu	
11.1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	
11.2	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)	